

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thông qua Phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 101/TTr-STP ngày 27 tháng 7 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (có Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.**

1. Giao Sở Tư pháp cụ thể hóa việc áp dụng thực thi phương án đơn giản đối với 01 thủ tục hành chính đã được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K11.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

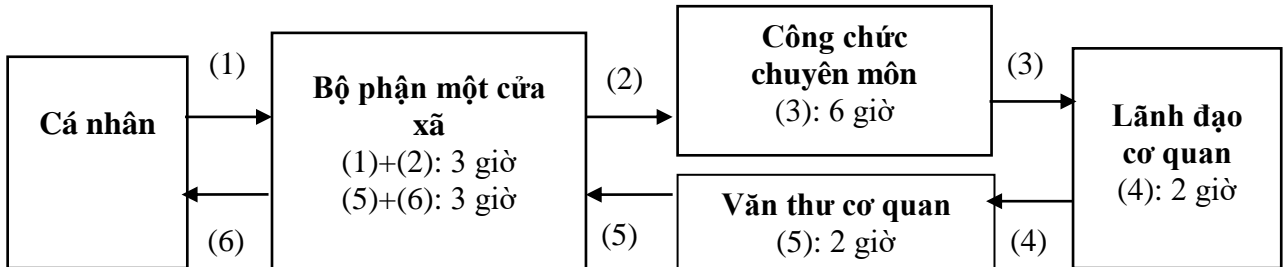
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Thủ tục: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân** (Mã số TTHC: 1.004873.000.00.00.H08)

**1. Nội dung đơn giản hóa**

- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (đối với trường hợp không cần phải xác minh) được công bố tại Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc (giảm 01 ngày).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính, thời gian 03 ngày làm việc là còn dài so với thực tế. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và tiết kiệm chi phí cho cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị cắt giảm khoảng thời gian này từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc, quy trình xử lý thủ tục hành chính với trình tự như sau:



**Ghi chú:**

- (1): Bộ phận một cửa cấp xã tiếp nhận hồ sơ;
- (2): Chuyển hồ sơ đến Công chức chuyên môn;
- (3): Công chức chuyên môn xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo cơ quan xem xét;
- (4): Lãnh đạo cơ quan xem xét, ký duyệt hồ sơ và chuyển đến Văn thư;
- (5): Văn thư chuyển đến Bộ phận một cửa cấp xã;
- (6): Trả kết quả cho công dân.

**2. Kiến nghị thực thi**

Tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch như sau: “**Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức tư pháp -**

*hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.*

Do đó, theo nội dung tại mục 1 của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu trên, đề nghị sửa đổi nội dung tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ như sau: **“Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.**

### **3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 46.013.160 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 33.411.880 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm cho cơ quan, đơn vị: 12.601.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,4%.

---